TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 – 2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Danh Hưởng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lý Bé T, sinh ngày 08/3/1992 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095092003319, cấp ngày 30/6/2022.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Quách Mỹ X, sinh ngày 09/01/1986 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095186004849, cấp ngày 30/6/2022.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lý Bé T trình bày: Năm 2012, anh và chị Quách Mỹ X chung sống

vợ chồng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có dăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2012 ngày 28 tháng 8 năm 2012. Thời gian đầu, anh và chị X chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 9 năm 2024, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh và chị X đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh và chị X có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Quách Mỹ X. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Quách Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho anh Lý Bé T ly hôn với chị Quách Mỹ X. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Lý Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Quách Mỹ X. Khi khởi kiện, chị Quách Mỹ X trú tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Quách Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt anh T và chị X.

[3] Về hôn nhân: Anh Lý Bé T và chị Quách Mỹ X xây dựng hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, cấp ngày 28/8/2012 nên hôn nhân giữa anh T và chị X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo anh T xác định thời gian đầu, anh T và chị X chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 9 năm 2024, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh và chị X có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị X không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, như vậy chị X đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị X1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị X.

[4] Về con chung: Anh Lý Bé T xác định không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Quách Mỹ X không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lý Bé T đối với chị Quách Mỹ X. Cho anh Lý Bé T ly hôn với chị Quách Mỹ X.

2. Về con chung: Anh Lý Bé T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Lý Bé T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Lý Bé T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000733 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Chị Quách Mỹ X không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9-Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào